TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2023/DS-ST
Ngày: 07 – 4 - 2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đinh Minh Phương.**
2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2022/TLST – DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về "***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản***" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng N**

Địa chỉ trụ sở chính: số L, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh H, Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch V.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thanh H là anh Lê Quang L, sinh năm: 1998 (theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2022) (có mặt).

Địa chỉ: số N, thị trấn V, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Bà **Lương Thị D** – sinh năm: 1973 (có mặt).

- Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Văn Đ** - sinh năm: 1972 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2022 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21/01/2020 Ngân hàng N- Chi Nhánh V – Phòng giao dịch L (viết tắt là Ngân hàng N) có cho Lương Thị D vay số tiền 20.000.000đ, người bảo lãnh là anh Trần Văn Đ là chồng của chị D. Chị D và anh Đ vay tiền của Ngân hàng N thông qua chương trình cho vay trả góp dành cho hội viên Hội phụ nữ xã Trung Ngãi. Theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 01335386 ngày 21/01/2020, số tiền vay 20.000.000đ, lãi suất 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay mua bán. Biện pháp đảm bảo thì anh Đ có văn bản cam kết với Ngân hàng N về việc chịu trách nhiệm trả nợ thay cho chị D trong trường hợp chị D không thực hiện đúng và đầy đủ ghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng N. Anh Đ là chồng của chị D, khoản vay của chị D phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Trong quá trình vay từ ngày 21/01/2020 đến ngày 07/4/2023, chị D, anh Đ chỉ trả được tổng số tiền như sau: tiền vốn là 10.492.308đ, lãi trong hạn là 1.607.692đ, lãi quá hạn: 0đ. Tổng cộng là 12.100.000đ. Do chị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 21/7/2020 Ngân hàng N đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 07/4/2023 chị D, anh Đ còn nợ lại các khoản như sau: vốn 9.507.692đ, lãi trong hạn là 592.308đ, lãi quá hạn 4.770.771đ. Tổng cộng là 14.870.771đ. Nay Ngân hàng N yêu cầu chị D, anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả lại tiền vay cho Ngân hàng N đối với số tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 07/4/2023 là 14.870.771đ và Ngân hàng N được quyền tính lãi liên tục theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 01335386 ngày 21/01/2020 đối với số tiền vốn 9.507.692đ.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Lương Thị D trình bày: Vào ngày 21/01/2020 chị có vay của Ngân hàng N- Chi Nhánh Vĩnh Long – Phòng giao dịch Vũng Liêm (viết tắt là Ngân hàng N) số tiền 20.000.000đ người bảo lãnh là anh Trần Văn Đ là chồng của chị D. Chị D và anh Đ vay tiền của Ngân hàng N thông qua chương trình cho vay trả góp dành cho hội viên Hội phụ nữ xã Trung Ngãi. Theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 01335386 ngày 21/01/2020, số tiền vay 20.000.000đ, lãi suất 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay mua bán. Biện pháp đảm bảo thì anh Đ có văn bản cam kết với Ngân hàng N về việc chịu trách nhiệm trả nợ thay cho chị D trong trường hợp chị D không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng N. Từ khi vay đến nay chị đã trả được cho Ngân hàng N số tiền vốn và lãi là 12.100.000đ. Nay chị thừa nhận còn nợ Ngân hàng N số tiền vốn là 9.507.692đ và tiền lãi là 5.363.079đ, tổng cộng vốn và lãi là 14.870.771đ, chị đồng ý trả cho ngân hàng số tiền trên.

Anh Đ đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa. Xét việc vắng mặt của anh Đ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ngân hàng N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng và chị D, anh Đ. Chị D, anh Đ có nơi cư trú tại ấp 1, xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Trần Văn Đ là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 01335386 ngày 21/01/2020. Bên cho vay Ngân hàng N- Chi Nhánh Vĩnh Long – Phòng giao dịch Vũng Liêm, bên vay Lương Thị D, số tiền vay 20.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay vốn mua bán, lãi suất tính trên dư nợ ban đầu trong hạn 11%/năm, lãi suất quá hạn 150% so với lãi suất trong hạn. Bên vay chị D ký tên và ghi họ tên vào hợp đồng tín dụng cho vay trả góp. Chị D vay tiền của Ngân hàng N thông qua chương trình cho vay trả góp dành cho hội viên Hội phụ nữ xã Trung Ngãi, theo danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày cho vay 21/01/2020 ngày đến hạn 21/01/2021, theo danh sách có 13 thành viên trong danh sách có chị D số thứ tự số 9 thể hiện cụ thể họ và tên Lương Thị D, số tiền vay 20.000.000đ, chị D đã ký tên vào cột người vay ký xác nhận, có phó giám đốc Ngân hàng N xác nhận. Phần cam kết bảo lãnh người trả nợ là anh Đ chồng của chị D.

Từ khi vay tiền đến ngày 07/4/2023 chị D, anh Đ chỉ trả được cho ngân hàng số tiền vốn là 10.492.308đ, lãi trong hạn là 1.607.692đ, lãi quá hạn: 0đ. Tính đến ngày 7/4/2023 chị D, anh Đ còn nợ lại Ngân hàng N số tiền vốn là 9.507.692đ, lãi trong hạn là 592.308đ, lãi quá hạn là 4.770.771đ. Tổng cộng vốn và lãi là 14.870.771đ. Ngân hàng N yêu cầu chị D và anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền vay vốn và lãi tổng cộng là 14.870.771đ. Tại phiên tòa hôm nay chi Đ thống nhất thừa nhận còn nợ Ngân hàng N số tiền vốn và lãi là 14.870.771đ và chị đồng ý trả cho Ngân hàng N số tiền trên, tại phiên tòa hôm nay anh Đ vắng mặt nên buộc chị D và anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền vay vốn là 9.507.692đ và tiền lãi là 5.363.079đ, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 14.870.771đ, Ngân hàng N được quyền tính lãi liên tục theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 01335386 ngày 21/01/2020 đối với số tiền vốn 9.507.692đ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị D và anh Đ phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 743.500đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc chị Lương Thị D và anh Trần Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền vay vốn 9.507.692đ (Chín triệu năm trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng), số tiền lãi là 5.363.079đ (Năm triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn không trăm bảy mươi chín đồng). Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 14.870.771đ (Mười bốn triệu tám trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi mốt đồng) và trả lãi tiếp từ ngày 7/4/2023 đến khi án có hiệu lực pháp luật, theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 16/01/2020 và hợp đồng tín dụng cho vay trả góp ngày 21/01/2020.

Đến hạn trả tiền, nếu chị Lương Thị D và anh Trần Văn Đ không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 16/01/2020 và hợp đồng tín dụng cho vay trả góp ngày 21/01/2020, trên số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Lương Thị D và anh Trần Văn Đ phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 743.500đ (Bảy trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo lai thu số N^{o}0008874, ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cụcTHADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lanh